

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG MINISTRY OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PRODUCTION AND PROTECTION DEPARTMENT		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc INDEPENDENCE - FREEDOM - HAPPINESS			
GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT PHYTOSANITARY CERTIFICATE					
Gửi: Cơ quan Bảo vệ thực vật nước TO: THE PLANT PROTECTION ORGANIZATION(S) OF				Số (No)	
DIỄN GIẢI VỀ LÔ HÀNG (DESCRIPTION OF CONSIGNMENT)					
1. Tên và địa chỉ người xuất khẩu: NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER:		5. Nơi sản xuất: PLACE OF ORIGIN:			
2. Tên và địa chỉ người nhận: DECLARED NAME AND ADDRESS OF THE CONSIGNEE:		6. Phương tiện chuyên chở: DECLARED MEANS OF CONVEYANCE:			
		7. Cửa khẩu nhập: DECLARED POINT OF ENTRY:			
3. Số lượng và loại bao bì: NUMBER AND DESCRIPTION OF PACKAGES:		8. Tên và khối lượng sản phẩm: NAME OF PRODUCE AND QUANTITY DECLARED:			
4. Ký, mã hiệu: DISTINGUISHING MARKS:		9. Tên khoa học của thực vật: BOTANICAL NAME OF PLANTS:			
Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khác nêu trên đã được kiểm tra và/hoặc thử nghiệm theo quy trình thích hợp và được coi là không có đối tượng kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu cũng như phù hợp với yêu cầu kiểm dịch thực vật hiện hành của nước nhập khẩu. This is to certify that the plants, plant products or other regulated articles described herein have been inspected and/or tested according to appropriate official procedures and are considered to be free from the quarantine pests, specified by the importing contracting party and to conform with the current phytosanitary requirements of the importing contracting party.					
KHAI BÁO BỔ SUNG (ADDITIONAL DECLARATION)					
XỬ LÝ (DISINFESTATION AND / OR DISINFECTION TREATMENT)					
10. Ngày (DATE):		12. Tên thuốc (hoạt chất) CHEMICAL (active ingredient):		14. Thời gian và nhiệt độ: DURATION AND TEMPERATURE:	
11. Phương pháp xử lý (TREATMENT):		13. Nồng độ (CONCENTRATION):		15. Thông tin thêm (ADDITIONAL INFORMATION):	
16. Dấu của cơ quan STAMP OF ORGANIZATION		17. Nơi cấp giấy: PLACE OF ISSUE		19. Tên, chữ ký của cán bộ Kiểm dịch thực vật có thẩm quyền NAME AND SIGNATURE OF AUTHORIZED OFFICER	
		18. Ngày cấp: DATE ISSUED			
Cơ quan Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc viên chức Kiểm dịch thực vật của Việt Nam không có trách nhiệm nào về mặt tài chính liên quan đến giấy chứng nhận này. No financial liability with respect to this certificate shall attach to Plant Production and Protection Department of Vietnam or to any of its officers or representatives.					

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG MINISTRY OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PRODUCTION AND PROTECTION DEPARTMENT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness	
GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT TÁI XUẤT KHẨU PHYTOSANITARY CERTIFICATE FOR RE-EXPORT		
Gửi: Cơ quan Bảo vệ thực vật nước TO : THE PLANT PROTECTION ORGANIZATION(S) OF		Số (No.):
DIỄN GIẢI VỀ LÔ HÀNG (DESCRIPTION OF CONSIGNMENT)		
1. Tên và địa chỉ người xuất khẩu: NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER:	5. Nơi sản xuất: PLACE OF ORIGIN:	
2. Tên và địa chỉ người nhận: DECLARED NAME AND ADDRESS OF THE CONSIGNEE:	6. Phương tiện chuyên chở: DECLARED MEANS OF CONVEYANCE :	
	7. Cửa khẩu nhập: DECLARED POINT OF ENTRY :	
3. Số lượng và loại bao bì: NUMBER AND DESCRIPTION OF PACKAGES:	8. Tên và khối lượng sản phẩm: NAME OF PRODUCE AND QUANTITY DECLARED :	
4. Ký, mã hiệu: DISTINGUISHING MARKS:	9. Tên khoa học của thực vật: BOTANICAL NAME OF PLANTS:	
Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (KDTV) nêu trên được nhập khẩu vào Việt Nam từ nước <i>(This is to certify that the plants, plant products described above were imported into Vietnam from)</i> với Giấy chứng nhận KDTV số <i>(covered by Phytosanitary Certificate No)</i> bản gốc <i>(original)</i> ☐ bản sao <i>(certified true copy)</i> ☐ gửi kèm theo giấy chứng nhận này <i>(of which is attached to this certificate)</i>; rằng chúng đã được đóng gói <i>(that they are packed)</i> ☐ đóng gói lại <i>(repacked)</i> ☐ giữ nguyên bao bì gốc <i>(in original)</i> ☐ bao bì mới <i>(new container)</i> ☐ trên cơ sở Giấy chứng nhận KDTV gốc <i>(that based on original phytosanitary certificate)</i> ☐ và kiểm tra bổ sung <i>(and additional inspection)</i> ☐ , được coi là phù hợp với yêu cầu KDTV hiện hành của nước nhập khẩu, và trong thời gian bảo quản tại Việt Nam, lô hàng này không bị lây nhiễm sinh vật gây hại <i>(they are considered to conform with the current phytosanitary requirements of the importing contracting party, and that during storage in Vietnam, the consignment has not been subjected to risk of infestation or infection).</i>		
KHAI BÁO BỔ SUNG (ADDITIONAL DECLARATION)		
XỬ LÝ (DISINFESTATION AND / OR DISINFECTION TREATMENT)		
10. Ngày DATE	12. Tên thuốc (hoạt chất): CHEMICAL <i>(active ingredient)</i>	14. Thời gian và nhiệt độ DURATION AND TEMPERATURE
11. Phương pháp xử lý (TREATMENT)	13. Nồng độ (CONCENTRATION)	15. Thông tin thêm (ADDITIONAL INFORMATION)
16. Dấu của cơ quan STAMP OF ORGANIZATION	17. Nơi cấp giấy PLACE OF ISSUE	19. Tên, chữ ký của cán bộ kiểm dịch thực vật có thẩm quyền NAME AND SIGNATURE OF AUTHORIZED OFFICER
AUTHORIZED STAMP	18. Ngày cấp DATE ISSUED	
	Cục Trồng Trọt và Bảo vệ thực vật hoặc viên chức Kiểm dịch thực vật của Việt Nam không có trách nhiệm nào về mặt tài chính liên quan đến giấy chứng nhận này. No financial liability with respect to this certificate shall attach to Plant Production and Protection Department of Vietnam or to any of its officers or representatives.	